TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ -ST
Ngày: 09 - 3 -2020
V/v tranh chấp ly hôn với một người mất tích

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Sen

2. Ông Nguyễn Văn Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa*:** không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn với một người mất tích" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị Lệ, sinh năm 1956, trú tại: Nguyễn, phường Hòa, Quận N, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Hoàng Ngọc S, năm 1957, trú tại: ấp Tân, xã Tân, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long (Bị Tòa án tuyên bố mất tích).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/01/2020 của nguyên đơn bà Dương Thị Lệ D và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Bà D và ông Hoàng Ngọc S

trên cơ sở quen biết nhau rồi tiến đến hôn nhân năm 1978, không có đăng ký kết hôn. Đến tháng 9 năm 1980, vợ chồng về sống tại ấp Tân (ấp Thạnh cũ), xã Tân, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đến tháng 12 năm 1980, ông Sinh nói đi làm ăn xa trong hai tháng về nhà được 02 lần rồi bỏ đi biệt tích cho đến nay không rõ tung tích. Bà đã làm thủ tục tuyên bố mất tích đối với ông S và Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã tuyên bố mất tích đối với ông S theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 13/2019/QĐST-DS, ngày 30/10/2019. Bà D yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Ngọc S.

* *Về con chung*: có 02 con chung Hoàng Thị Lệ T, sinh năm 1979 và Hoàng Ngọc Lệ D, sinh năm 1980. Hiện đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết.

* *Tài sản chung*: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung và nợ phải thu:* không yêu cầu giải quyết.

Do ông Hoàng Ngọc S bị tuyên bố mất tích nên không có bản khai cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên Toà, Tòa án nhận định:

[1].Về pháp luật áp dụng: Bà D và ông S cưới nhau năm 1978 đây là quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987 ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật. Theo khoản 1 Điều 131 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 qui định: quan hệ hôn nhân và gia đình xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết. Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì áp dụng luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Năm 1978, bà D và ông S cưới nhau trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Đến tháng 9 năm 1980, vợ chồng về sống tại ấp Tân (ấp Thạnh cũ), xã Tân, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Đến tháng 12 năm 1980, ông S nói đi làm ăn xa trong hai tháng về nhà được 02 lần rồi bỏ đi biệt tích cho đến nay không rõ. Tại Quyết định số 13/2019/QĐST-DS, ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ tuyên bố ông Hoàng Ngọc S mất tích. Xét hôn nhân giữa

bà D và ông S là hôn nhân thực tế vì đã có hai con chung. Bà D yêu cầu ly hôn với ông S đã bị Tòa án tuyên bố mất tích là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó, Tòa án chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: có 02 con chung Hoàng Thị Lệ T, sinh năm 1979 và Hoàng Ngọc Lệ D, sinh năm 1980. Hiện đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa không xem xét

[5] Về nợ chung và nợ phải thu: không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không giá ngạch. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên Tòa án miễn án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 85, 87 và 89 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Điều 131 của luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm đ khoản 3 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Dương Thị Lệ D được ly hôn với ông Hoàng Ngọc S.

2. Về con chung: Có 02 con chung Hoàng Thị Lệ T, sinh năm 1979 và Hoàng Ngọc Lệ D, sinh năm 1980. Hiện đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: không đặt ra để giải quyết.

5. Về án phí: Miễn án phí hôn nhân sơ thẩm cho nguyên đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-THADS huyện;
-UBND xã nơi ĐKKH;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tấn Phong